

**PHỤ LỤC 01: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
QUỐC PHÒNG - AN NINH, NHIỆM KỲ 2026 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/ĐU ngày /10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Hương Sơn)

Số TT	Chỉ tiêu/Nhóm chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Mục tiêu ĐH	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	Ghi chú
1	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân giai đoạn	%	7,82	11	10	11	12	11	11	
2	Cơ cấu tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành (nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ) đến 2030	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	23,01	17,0	21,5	20,0	19,0	18,0	17,0	
	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	21,21	24,0	22,0	22,5	23,0	23,5	24,0	
	<i>Thương mại - Dịch vụ</i>	%	55,78	59,0	56,5	57,5	58,0	58,5	59,0	
2.1	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ đồng	3.509,20	5.626,85	3.825,03	4.296,05	4.811,58	5.340,86	5.928,35	
	- <i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	Tỷ đồng	807,48	956,56	822,38	859,21	914,20	961,35	1.007,82	
	- <i>Công nghiệp và xây dựng</i>	Tỷ đồng	744,36	1.350,44	841,51	966,61	1.106,66	1.255,10	1.422,80	
	- <i>Thương mại và dịch vụ</i>	Tỷ đồng	1.957,36	3.319,84	2.161,14	2.470,23	2.790,72	3.124,40	3.497,73	
2.2	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	1.822,78	3.119,86	2.010,36	2.231,50	2.499,27	2.774,19	3.079,36	
	- <i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	Tỷ đồng	379,098	483,11	389,64	403,39	429,20	451,34	473,16	
	- <i>Công nghiệp và xây dựng</i>	Tỷ đồng	454,630	812,66	518,68	590,37	675,91	766,57	869,00	
	- <i>Thương mại và dịch vụ</i>	Tỷ đồng	989,053	1.824,09	1.102,04	1.248,21	1.410,15	1.578,76	1.767,40	
3	Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030	Triệu đồng	62,27	80	65	66.27	70	74.2	80	
4	Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2030	Triệu đồng	102,5	115	105	107,56	110.16	112,84	115	
5	Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hàng năm	%	4,13	10	10	10	10	10	10	

Số TT	Chỉ tiêu/Nhóm chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Mục tiêu ĐH	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	Ghi chú
	Thu ngân sách nhà nước trong nhiệm kỳ	Tỷ đồng	125.06	770	135,5	145,3	155,4	162	171,8	
6	Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế	Doanh nghiệp	115	250	142	162	192	225	250	
7	Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đến năm 2030			đạt	Hoàn thành đạt 60% tiêu chí	Hoàn thành đạt 80% tiêu chí	Hoàn thành đạt 95% tiêu chí	đạt	đạt	
8	Diện tích, cơ cấu thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất	ha		75	20	40	60	70	75	
9	Căn cứ Hệ thống tiêu chí thông kê của xã, trên cơ sở thực tiễn và định hướng phát triển của địa phương giai đoạn 2026-2030									
(i)	Tổng sản lượng lương thực có hạt	tấn	9.757	> 10.000	10.000	11.000	10.800	10.100	10.200	
(ii)	Tổng đàn hươu	con	11.329	14.330	13.000	13.350	13.703	14.066	14.440	
	Sản lượng nhung	tấn	6.8	6,5	6,5	6,5	6,5	6,5	6,5	
(iii)	Số lượng, quy mô các dự án thu hút đầu tư mới tăng thêm	Tỷ đồng		1.050	100	150	210	290	300	
(iv)	Số sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao, 4 sao, 5 sao,...đến năm 2030		10	15	11	13	13	15	15	
II	XÃ HỘI									
1	Tỷ lệ gia đình, tổ dân phố văn hóa									
1.1	<i>Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hoá</i>	%	96,57	97,1	96	97	98	99	100	
1.2	<i>Tỷ lệ tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa</i>	%	100	100	100	100	100	100	100	
2	Tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia	%	75	100	100	100	100	100	100	
3	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	97	98,2	97,5	97,6	97,9	98,1	98,2	
4	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội	%	32,6	36,2	33	33,04	33,3	33,4	36,2	

Số TT	Chỉ tiêu/Nhóm chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Mục tiêu ĐH	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	Ghi chú
5	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều	%	0,26	0,4	giảm bình quân đạt từ 0.4%					
5.1	Tỷ lệ hộ nghèo	%	2,03	1,63	1,99	1,91	1,83	1,75	1,63	
5.2	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	2,82	2,25	2,7	2,59	2,48	2,36	2,25	
6	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao	%	9,6	7,5	9,5	9	8,4	7,91	7,5	
	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng	%	6,4	5,4	54	54	54	54	54	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80,7	>85	82	83	84	85	86	
III	ĐÔ THỊ, NƯỚC SẠCH, MÔI TRƯỜNG									
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	94,6	98	96	97	98	98	98	
2	Quy hoạch chung các xã sau sáp nhập	HT		HT	HT	HT	HT	HT	HT	
3	Số km đường giao thông được thảm nhựa	km	2,13	30	4	5	8	8	5	
4	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	35	65	40	46	52	61	65	
5	Trục đường giao thông chính có hệ thống chiếu sáng đạt tiêu chuẩn;	%	66	100	72,5	80	88	96	100	
IV	CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ									
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	99,97	100	100	100	100	100	100	
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	99,87	80	100	100	100	100	100	
3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	99,87	100	100	100	100	100	100	
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80	90	82	83,7	86	88,15	90	
5	Tỷ lệ người dân có chữ ký số so với người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%		20	18	18,5	19	19,5	20	

Số TT	Chỉ tiêu/Nhóm chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Mục tiêu ĐH	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	Ghi chú
V	QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI									
1	Duy trì chuẩn an toàn về an ninh trật tự, cơ sở vững mạnh toàn diện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
2	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân hàng năm	%	100	100	100	100	100	100	100	

PHỤ LỤC 02: HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HƯƠNG SƠN

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/ĐU ngày /10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Hương Sơn)

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-20235	Giai đoạn 2036-2045	Cơ quan chủ trì
I	Nhóm chỉ tiêu về hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả quản trị địa phương				
1	Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Đạt từ 94% trở lên	Đạt từ 96% trở lên	Đạt từ 98% trở lên	UBND xã
II	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế				
1	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	15%-17%	18%-25%	trên 25%	UBND xã
2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ chỉ đạo, điều hành	100%	100%	100%	UBND xã
III	Nhóm chỉ tiêu về xã hội				
1	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	80%	85%	90%	UBND xã
2	Tỷ lệ tham gia hệ thống an sinh xã hội	- Khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. - Khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. - Bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân với trên 98,2% dân số tham gia bảo hiểm y tế	- Khoảng 65% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. - Khoảng 50-55% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. - Duy trì bảo hiểm y tế toàn dân với trên 99% dân số tham gia bảo hiểm y tế	- Khoảng 80% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. - Khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. - Duy trì bảo hiểm y tế toàn dân với trên 99% dân số tham gia bảo hiểm y tế	UBND xã
3	Chỉ số tuổi thọ trung bình, trong đó số năm sống khỏe	Tuổi thọ trung bình 75,5 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu 68 năm	Tuổi thọ trung bình 76,5 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu 69 năm	Tuổi thọ trung bình trên 80 tuổi; số năm sống khỏe tối thiểu trên 71 năm	UBND xã

4	Tỷ lệ lãnh đạo chủ chốt là nữ tại các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương các cấp; lao động nữ làm công hưởng lương; lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm	- Tỷ lệ lãnh đạo chủ chốt là nữ tại các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương các cấp phải đạt 75%. - Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương đạt 60% - Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 25%.	- Tỷ lệ lãnh đạo chủ chốt là nữ tại các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương các cấp phải đạt 75%-78%. - Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương đạt 62% - Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 22%	- Tỷ lệ lãnh đạo chủ chốt là nữ tại các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương các cấp phải đạt 78%-80%. - Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương đạt 65% - Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 20%	UBND xã
VI	Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái				
1	Tỷ lệ khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	100%	100%	100%	UBND xã
2	Phòng, chống và thích ứng với biến đổi khí hậu	100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	UBND xã
V	Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh				
	Xây dựng khu vực phòng thủ xã và chuyển đổi số trong lực lượng vũ trang	Xã có lực lượng dân quân thường trực; ứng dụng nền tảng số trong quản lý, chỉ huy, điều hành	Trên 80% hoạt động quản lý, chỉ huy của lực lượng vũ trang vận hành trên nền tảng số	Lực lượng vũ trang xã vận hành đồng bộ trên nền tảng số, kết nối liên thông với hệ thống chỉ huy của Bộ Quốc phòng và Quân khu IV	BCH Quân sự; Công an xã
	Bảo đảm an toàn thông tin mạng	100% hệ thống thông tin của các cơ quan triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ	Duy trì 100%	Duy trì 100%	Công an xã

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/ĐU ngày /10/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Hương Sơn)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/Kết quả	Nguồn lực
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TU và Chương trình hành động số 19/CTr-TU	Ban Xây dựng Đảng	Các cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng	Quý IV/2026; thường xuyên	Hội nghị, tài liệu, nội dung tuyên truyền	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết phù hợp chức năng, nhiệm vụ của xã	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hoàn thành trong tháng 10/2026; thực hiện giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch, chương trình công tác	Ngân sách
3	Rà soát quy trình, thủ tục và các quy định thuộc thẩm quyền; đề xuất xử lý các điểm nghẽn ảnh hưởng đến người dân, doanh nghiệp	UBND xã	Các đơn vị có liên quan	Hàng năm	Danh mục rà soát; kiến nghị xử lý	Ngân sách
4	Nâng cao chất lượng quản trị địa phương, phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả; tăng cường trách nhiệm giải trình	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Quy chế/quy trình; báo cáo kết quả	Ngân sách
5	Đổi mới công tác cán bộ, bồi dưỡng kỹ năng quản trị, chuyển đổi số, dữ liệu và xử lý công việc trên môi trường điện tử	Ban Xây dựng Đảng	UBND xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030	Kế hoạch bồi dưỡng, kết quả thực hiện	Ngân sách
6	Tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương về phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Hoạt động hỗ trợ; báo cáo kết quả	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
7	Khuyến khích hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi thành doanh nghiệp; hỗ trợ tiếp cận thông tin, thủ tục và chính sách	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Số hộ được tuyên truyền/hỗ trợ; hồ sơ chuyển đổi	Ngân sách

TT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/Kết quả	Nguồn lực
8	Phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, an toàn, sinh thái, đa giá trị; tăng cường liên kết sản xuất - tiêu thụ	UBND xã	HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp, hộ dân	2026-2030	Mô hình liên kết; sản phẩm, vùng sản xuất	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
9	Phát triển thương mại, dịch vụ, chợ văn minh; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và hóa đơn điện tử	UBND xã	Hộ kinh doanh, các đoàn thể	2026-2030	Mô hình, số hộ tham gia, báo cáo kết quả	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
10	Tăng cường quản lý thu ngân sách, chống thất thu, đôn đốc nghĩa vụ tài chính; quản lý chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Báo cáo thu, chi; kết quả thực hiện dự toán	Ngân sách
11	Đẩy nhanh GPMB, tạo quỹ đất sạch và tháo gỡ khó khăn cho các dự án trên địa bàn xã	UBND xã	Ủy ban MTTQ xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030	Diện tích GPMB; số hộ bị thu hồi đất, ảnh hưởng; tiến độ dự án	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
12	Nâng cao hiệu quả đầu tư công; kiểm soát tiến độ, chất lượng, tổng mức đầu tư và khả năng cân đối nguồn vốn	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Tiến độ, tỷ lệ giải ngân, chất lượng công trình, dự án	Ngân sách
13	Ứng dụng AI và các công cụ số phù hợp trong tổng hợp, xử lý thông tin, theo dõi tiến độ và hỗ trợ chỉ đạo, điều hành	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2026-2030	Mô hình/ứng dụng được sử dụng	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
14	Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các nền tảng số thiết yếu	UBND xã	Ủy ban MTTQ xã, các tổ chức CT-XH, các cơ quan, đơn vị có liên quan; tổ chuyển đổi xã	Thường xuyên	Số buổi, số lượt được hướng dẫn	Ngân sách
15	Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo kỹ năng số, tư duy sáng tạo và định hướng nghề nghiệp	UBND xã	Các trường học, đoàn thể	Hàng năm	Chương trình, hoạt động, kết quả	Ngân sách

TT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/Kết quả	Nguồn lực
16	Nâng cao chất lượng y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và bảo hiểm y tế	UBND xã	Trạm y tế, đoàn thể cơ quan, đơn vị liên quan; các thôn	Hàng năm	Chương trình; tỷ lệ bao phủ BHYT	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
17	Thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và hỗ trợ nhóm yếu thế	UBND xã	Ủy ban MTTQ xã, các tổ chức CT-XH, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Hoàn sơ, số người được hỗ trợ	Ngân sách
18	Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất, nước và các nguồn tài nguyên khác	UBND xã	Các thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Hồ sơ quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm	Ngân sách
19	Tăng cường thu gom, phân loại, xử lý chất thải; kiểm soát nguồn gây ô nhiễm tại khu dân cư, chợ, cơ sở sản xuất kinh doanh	UBND xã	Ủy ban MTTQ xã, các tổ chức CT-XH, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Mô hình, biên bản kiểm tra, báo cáo	Ngân sách, xã hội hóa
20	Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; xử lý các điểm ngập úng, tiêu thoát nước, nguy cơ sạt lở	UBND xã	Ban CHQS xã, Công an xã, Ban CH PTDS, các thôn	Hàng năm	Phương án, công trình, báo cáo	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác
21	Củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trạjajn an ninh nhân dân	Ban CHQS xã	UBND xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Kế hoạch, phương án, kết quả thực hiện	Ngân sách
22	Chủ động nắm tình hình, giải quyết khiếu ại, tố cáo, vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở; không để hình thành điểm nóng	UBND xã	Ủy ban MTTQ xã, các tổ chức CT-XH, các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Hồ sơ giải quyết, báo cáo	Ngân sách
23	Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động của cơ quan; nâng cao ý thức bảo vệ dữ liệu, thông tin	Công an xã	UBND xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Phương án, kết quả kiểm tra	Ngân sách
24	Tăng cường kết nối thị trường, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, thu hút đầu tư và huy động nguồn lực phát triển	UBND xã	HTX, doanh nghiệp, đoàn thể	2026-2030	Hoath động kết nối, sản phẩm quảng bá	Ngân sách và nguồn hợp pháp khác

TT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/Kết quả	Nguồn lực
25	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và báo cáo cấp trên	Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã	UBND xã, các chi bộ	Hàng năm; giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch/kết luận kiểm tra; báo cáo	Ngân sách